

trình Ủy ban xét duyệt. Ủy ban hành chính thông qua và thông báo các mức chiết khấu mới đó cho sở, ty công nghiệp; sở, ty công nghiệp phải hướng dẫn các xí nghiệp công nghiệp địa phương tính và áp dụng giá bán buôn công nghiệp mới của các mặt hàng do xí nghiệp sản xuất.

2. Trên cơ sở giá bán buôn công nghiệp mới, mỗi xí nghiệp, cùng với cơ quan thu, xác định ngay số chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới. Xí nghiệp công nghiệp địa phương, cơ quan thu và ngân hàng đều có trách nhiệm bảo đảm việc nộp vào ngân sách khoản chênh lệch ấy, theo như công thức và thủ tục đã nói ở phần A đoạn II về các xí nghiệp công nghiệp trung ương.

3. Đối với các xí nghiệp công nghiệp địa phương được duyệt kế hoạch, cần tính toán đầy đủ khoản chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp mới và cũ; cần có biện pháp tích cực phấn đấu giảm mức lỗ kế hoạch, tiến tới không có lỗ. Mỗi kỳ quyết toán, xí nghiệp phải tách riêng và rành mạch số chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp mới và cũ, không để lẫn lộn với khoản lỗ của xí nghiệp.

4. Từ nay đến ngày 1-1-1970, sau khi nhận được tài liệu của các Bộ Nội thương và Bộ Tài chính, các sở, ty tài chính phải thông báo cho các sở, ty công nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp địa phương biết các mức chiết khấu toàn ngành đối với từng nhóm hàng, để xí nghiệp có căn cứ tính toán khi bán ra ngoài tỉnh những hàng công nghiệp do địa phương sản xuất nhưng thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý phân phối và giá cả.

C. QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN XÍ NGHIỆP

Để phản ánh đầy đủ, rành mạch số chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới phải thanh toán với ngân sách, các xí nghiệp quốc doanh kế toán như sau:

I. Đối với xí nghiệp đã áp dụng chế độ thu quốc doanh: Vì chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới đã cộng vào mức thu quốc doanh mới, cho nên việc kế toán vào tài khoản « thanh toán với ngân sách » vẫn tiến hành như trước, không có gì thay đổi.

2. Đối với xí nghiệp công nghiệp chưa thi hành chế độ thu quốc doanh, các xí nghiệp cần mở tài khoản « thanh toán với ngân sách

về khoản chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới » ký hiệu 095, nội dung như sau:

Bên Nợ phản ánh số chênh lệch đã nộp.

Bên Có phản ánh số chênh lệch phải nộp.

Cụ thể là:

— Sau khi tính được số chênh lệch phải nộp thì ghi:

Nợ tài khoản « tiêu thụ »

Có tài khoản « thanh toán với ngân sách về khoản chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới »

— Khi nộp khoản chênh lệch này vào ngân sách thì ghi:

Nợ tài khoản « thanh toán với ngân sách về khoản chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp cũ và mới »

Có tài khoản « tiền gửi ngân hàng ».

Hà-nội, ngày 23 tháng 12 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

THÔNG TƯ số 299-TC/TQD ngày 29-12-1969 hướng dẫn vận dụng chính sách thuế sát sinh.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu tự trị, các thành phố Hà-nội, Hải-phòng, các tỉnh.

Căn cứ nghị quyết số 136-CP ngày 5-8-1969 của Hội đồng Chính phủ ban hành chính sách và biện pháp khuyến khích chăn nuôi lợn;

Căn cứ thông tư liên bộ Nông nghiệp — Nội thương số 3-TT/LB ngày 6-10-1969 hướng dẫn thi hành nghị quyết nói trên;

Căn cứ chỉ thị số 132-TTg ngày 4-12-1969, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về thuế sát sinh như sau:

1. Kể từ ngày 1-1-1970, đối với lợn do mật dịch quốc doanh thu mua và giết thịt, sẽ không thu thuế sát sinh như trước, mà áp dụng chế độ khuyến khích giao nộp nông sản, thực

phần như đã nêu trong chỉ thị số 132-TTg ngày 4-12-1969 của Thủ tướng Chính phủ.

Do không còn phải nộp thuế sát sinh, không còn thu mua 100% số lợn của người chăn nuôi và không còn để lại thịt cho họ bằng tem phiếu, cho nên khi thu mua lợn, mật dịch quốc doanh thực phẩm không phải trả trước số tiền giảm thuế sát sinh cho người chăn nuôi nữa. Số vốn công ty thực phẩm được ngân sách cấp để trả trước số tiền giảm thuế này, nay phải nộp lại cho ngân sách. Người chăn nuôi vẫn được miễn thuế sát sinh đối với một phần số thịt được dành lại (xem hướng dẫn ở đoạn 2 dưới theo đúng như thông tư số 125-TTg/TN ngày 31-12-1964 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định).

Phần thuế sát sinh trước đây trích cho ngân sách xã nay được thay bằng một tỷ lệ phần trăm (%) của khoản thu cho ngân sách tỉnh, thành phố theo chế độ khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm (sẽ hướng dẫn chi tiết riêng).

2. Đối với số lợn để lại cho người chăn nuôi, sau khi họ đã làm nghĩa vụ bán lợn cho Nhà nước, thì khi giết thịt, người chăn nuôi phải nộp thuế 6đ/1 con nhưng được giảm 15% (0đ90) nếu ở đồng bằng, hoặc 20% (1đ20) nếu ở miền núi (tức là chỉ phải nộp 5đ10 hoặc 4đ80). Xã ở đồng bằng cũng như ở miền núi, vẫn được trích cho ngân sách xã, mức cố định 0đ80/1 con lợn giết thịt như cũ.

3. Đối với các trường hợp giết thịt lợn khác (giết thịt lợn tự lực chăn nuôi, giết thịt lợn trong các đám ma, đám cưới ở miền núi v.v...), việc thu và miễn giảm thuế sát sinh vẫn thi hành như quy định trong các thông tư số 01-TC/TT ngày 5-1-1965 và số 3-TT/LB ngày 21-1-1965.

4. Đối với những nơi, vì lý do nào đó, Ủy ban hành chính địa phương còn cho phép công ty thực phẩm tiếp tục thu mua toàn bộ số lợn xuất chuồng đồng thời để lại một số thịt cho người chăn nuôi bằng cách cấp tem phiếu hoặc sô, để mua thịt của Mật dịch thực phẩm: sẽ hướng dẫn sau.

Đề nghị Ủy ban hành chính chỉ đạo chặt chẽ việc thi hành các quy định trong thông tư này. Trong khi thi hành, nếu có vướng mắc gì, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

Hà-nội, ngày 29 tháng 12 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

THÔNG TƯ số 301-TCHC/VX ngày 31-12-1969 hướng dẫn việc cấp phát khoản phụ cấp cho các đối tượng được mua vải tiêu chuẩn theo giá cung cấp.

Đề đơn giản công việc kế toán, góp phần cải tiến quản lý kinh tế — tài chính của ngành thương nghiệp, theo quyết định số 140-TTg ngày 29-12-1969 của Thủ tướng Chính phủ, kể từ ngày 1-1-1970, các đối tượng thuộc diện được mua vải theo giá cung cấp (giá bán lẻ của Nhà nước trừ 20%), nay được ngân sách Nhà nước phụ cấp mỗi người 3đ60/năm để mua vải theo giá bán lẻ của thương nghiệp áp dụng chung cho cả nhân dân và cán bộ.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp phát khoản phụ cấp trên như sau:

1. Cấp phát theo tiêu chuẩn đồng loạt mỗi người 3đ60 một năm cho các đối tượng được hưởng chế độ mua vải theo giá cung cấp theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước đã quy định.

2. Khoản phụ cấp 3đ60 được cấp phát một lần vào đầu năm. Những người trong năm mới được vào diện được hưởng phụ cấp này, cũng được cấp.

3. Thủ tục và nguồn kinh phí cấp phát:

Đối với những người được mua vải theo giá cung cấp thuộc cơ quan, đơn vị nào quản lý (trả lương, sinh hoạt phí, trợ cấp v.v...) thì cơ quan, đơn vị đó phụ trách trả khoản phụ cấp để mua vải nói trên.

Kinh phí đề chi về khoản phụ cấp này giải quyết như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp: Cơ quan dự trù vào dự toán chi của mình theo khoản hạn hiện đang áp dụng và quản lý kinh phí đó theo chế độ hiện hành về lập và chấp hành ngân sách Nhà nước.

b) Đối với các cơ quan thuộc hệ thống Đảng, đoàn thể và các tổ chức có quỹ kinh phí riêng như Tổng công đoàn Việt-nam, nhà ăn tập thể, nhà trẻ... thì kinh phí nói trên do quỹ đó gánh chịu.

c) Đối với các xí nghiệp quốc doanh (bao gồm cả công, nông, lâm trường và xí nghiệp công tư hợp doanh quản lý tiền lương theo chế độ như quốc doanh) thì kinh phí cấp qua ngành chủ quản đề phân phối cho xí nghiệp và ghi vào hạng 15 (chi về sự nghiệp khác). Riêng đối với ngành giao thông, thì ghi vào hạng 21. Về khoản, thì ngành thuộc khoản nào, ghi vào

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684